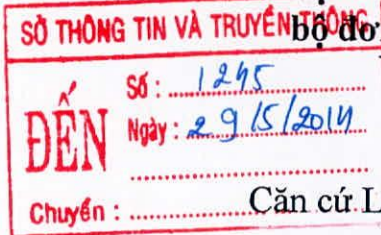


QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong các
đơn giá do UBND tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;

Căn cứ Thông tư số 33/2013/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/03/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng Đắk Lắk tại Tờ trình số 29/TTr-SXD, ngày 18 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong đơn giá xây dựng công trình: phần khảo sát xây dựng; phần xây dựng, lắp đặt và sửa chữa công trình xây dựng:

1. Chi phí nhân công trong dự toán khảo sát xây dựng công trình lập theo đơn giá phần Khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Chi phí nhân công trong dự toán xây dựng công trình lập theo đơn giá phần xây dựng, lắp đặt, sửa chữa trong xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 44/2008/QĐ-UBND ngày 24/11/2008,

Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

a) Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{NCKSXĐ} = K^{DC}_{NCXDLĐ,SC} = 3,889$

b) Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{NCKSXĐ} = K^{DC}_{NCXDLĐ,SC} = 3,519$

2. Chi phí máy thi công trong dự toán khảo sát xây dựng công trình lập theo đơn giá phần Khảo sát xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 43/2008/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk; Chi phí máy thi công trong dự toán xây dựng công trình lập theo đơn giá phần xây dựng, lắp đặt, sửa chữa trong xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 44/2008/QĐ-UBND ngày 24/11/2008, Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

a) Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{MTCKSXĐ} = K^{DC}_{MTCXDLĐ,SC} = 1,634$

b) Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{MTCKSXĐ} = K^{DC}_{MTCXDLĐ,SC} = 1,553$

Điều 2. Điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong Bộ đơn giá xây dựng công trình: Phần xây dựng (bổ sung) tại Quyết định số 18/2013/QĐ-UBND ngày 14/6/2013 của UBND tỉnh về công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình- Phần xây dựng (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Chi phí nhân công trong dự toán xây dựng công trình Phần xây dựng (bổ sung) được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

a) Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{NCXD} = 1,167$

b) Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{NCXD} = 1,152$

2. Chi phí máy thi công trong dự toán xây dựng công trình Phần xây dựng (bổ sung) được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

a) Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{MTCXD} = 1,062$

b) Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{MTCXD} = 1,021$

Điều 3. Điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong các Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại các Quyết định: số 36/2009/QĐ-UBND, số 37/2009/QĐ-UBND, số 38/2009/QĐ-UBND, số 39/2009/QĐ-UBND, số 40/2009/QĐ-UBND, số 41/2009/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 của UBND tỉnh như sau:

1. Chi phí nhân công trong dự toán dịch vụ công ích đô thị lập theo các Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

a) Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{NCVSMĐT} = 3,043$

b) Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{NCVSMĐT} = 2,923$

2. Chi phí máy thi công trong dự toán dịch vụ công ích đô thị lập theo các Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

a) Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{MTCVSMĐT} = 1,448$

b) Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{MTCVSMĐT} = 1,422$

Điều 4. Điều chỉnh chi phí nhân công trong các Bộ đơn giá xây dựng công trình: Phần thí nghiệm điện đường dây và Trạm biến áp; Phần thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại các Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND, số 29/2010/QĐ-UBND ngày 14/10/2011 của UBND tỉnh như sau:

Chi phí nhân công trong dự toán xây dựng công trình Phần thí nghiệm điện đường dây và Trạm biến áp; Phần thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

1. Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{NCTNĐD-TBA} = K^{DC}_{NCTNVLXD} = 2,593$

2. Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{NCTNĐD-TBA} = K^{DC}_{NCTNVLXD} = 2,603$

Điều 5. Điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong Bộ đơn giá xây dựng công trình: Phần lắp đặt truyền dẫn phát sóng truyền hình và truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 44/2011/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của UBND tỉnh như sau:

1. Chi phí nhân công trong dự toán xây dựng công trình Phần lắp đặt truyền dẫn phát sóng truyền hình và truyền hình cáp được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

a) Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{NCTDPSTH-THC} = 1,355$

b) Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{NCTDPSTH-THC} = 1,357$

2. Chi phí máy thi công trong dự toán xây dựng công trình Phần lắp đặt truyền dẫn phát sóng truyền hình và truyền hình cáp được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

a) Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{MTCTDPSTH-THC} = 1,078$

b) Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{MTCTDPSTH-THC} = 1,078$

Điều 6. Điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong Đơn giá dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh như sau:

1. Chi phí nhân công trong dự toán dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh lập theo đơn giá Đơn giá dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

a) Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{NCQLBDTXĐT} = 1,355$

b) Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{NCQLBDTXĐT} = 1,357$

2. Chi phí máy thi công trong dự toán dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh lập theo đơn giá Đơn giá dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường tỉnh được nhân với hệ số điều chỉnh như sau:

a) Khu vực thành phố Buôn Ma Thuột: $K^{DC}_{MTCQLBDTXĐT} = 1,067$

b) Các khu vực còn lại : $K^{DC}_{MTCQLBDTXĐT} = 1,067$

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Đối với khối lượng xây dựng thực hiện kể từ ngày 01/01/2014 trở đi, việc điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong các Bộ đơn giá do UBND tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được thực hiện như sau:

a) Những dự án đầu tư xây dựng đang lập hoặc đã lập nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì tổng dự toán, dự toán công trình được áp dụng hệ số điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo Quyết định này.

b) Những công trình, hạng mục công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tổng dự toán, dự toán nhưng chưa tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu thì chủ đầu tư điều chỉnh lại tổng dự toán, dự toán theo hệ số điều chỉnh dự toán xây dựng công trình của Quyết định này và thực hiện việc điều chỉnh theo quy định hiện hành.

c) Những công trình, hạng mục công trình đang tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu thì chủ đầu tư được tiếp tục tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu theo quy định; đồng thời tiến hành điều chỉnh lại tổng dự toán, dự toán theo Quyết định này, trình phê duyệt điều chỉnh lại giá trúng thầu, chỉ định thầu trước khi ký hợp đồng xây dựng và thực hiện việc điều chỉnh theo quy định hiện hành.

d) Đối với các hợp đồng xây dựng đã ký theo hình thức hợp đồng trọn gói từ sau thời điểm ngày 01/7/2010 (theo quy định của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng) thì không được điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công theo Quyết định này.

2. Đối với các khối lượng dịch vụ công ích đô thị, bảo dưỡng đường tỉnh kể từ ngày 01/01/2014 được áp dụng điều chỉnh dự toán dịch vụ công ích đô thị, bảo dưỡng đường tỉnh theo quy định tại Quyết định này và thực hiện điều chỉnh theo quy định hiện hành.

a) Đối với các khối lượng dịch vụ công ích đô thị, bảo dưỡng đường tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán (đã bao gồm dự phòng phần tiền lương tối thiểu vùng tăng thêm), sau khi điều chỉnh nếu không vượt dự toán được duyệt thì không cần phải thẩm định, phê duyệt lại mà làm căn cứ để thực hiện công tác thanh quyết toán khối lượng hoàn thành.

b) Trường hợp sau khi điều chỉnh nếu vượt dự toán được duyệt thì phải thẩm định và phê duyệt lại theo quy định hiện hành.

Điều 8. Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện, kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này với UBND tỉnh.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành;

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 10/4/2013 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong các bộ đơn giá do UBND tỉnh công bố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Buôn Ma Thuột; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; (b/c)
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư Pháp;
- Như Điều 9;
- UBND các xã, phường, thị trấn do UBND huyện, TX, TP sao gửi;
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Website tỉnh; TTTT & Công báo;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PVP; các P, TT;
- Lưu: VT, CN (VT.90). *lh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Trọng Hải